

Số: 199/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03/3/2025

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Phước.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Minh Hoàng;

2. Bà Phạm Thị Phạm Hương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:***  
ông Đoàn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1240/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2025

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm: 1983. Thường trú: số 131/67/17 đường N, phường B, quận B, Thành phố H; tạm trú: nhà không số tổ 5, ấp 6A, xã V, huyện B, Thành phố H. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

***- Bị đơn:*** Ông Dương Nhật M, sinh năm: 1982. Thường trú: số 77/28/60 đường số 9, phường H, quận B, Thành phố H. (Vắng mặt không rõ lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:*

Bà và ông Dương Nhật M quen biết và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/02/2014. Bà và ông Dương Nhật M chung sống

hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, ông Dương Nhật M không có công việc ổn định, thường xuyên uống rượu, bia say xỉn rồi chửi bới vợ con từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng cuộc sống của ai thì biết người đấy, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà và ông Dương Nhật M hiện đã sống ly thân. Do tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Nhật M.

Về con chung: có 01 con chung tên Dương Ngọc Ái T, sinh ngày 28/3/2015; Bà Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung không yêu cầu ông Dương Nhật M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: bà Nguyễn Thị Mỹ T khai nhận không có.

Bị đơn: ông Dương Nhật M đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Nhưng ông Dương Nhật M không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Mỹ T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: ông Dương Nhật M đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, yêu cầu có mặt để Tòa để tiến hành xét xử giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn giữa bà T và ông M nhưng ông M vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về thời hạn xét xử được đảm bảo.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông M; Về con chung: có 01 con chung tên Dương Ngọc Ái T, sinh ngày 28/3/2015 bà T có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy ông M vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình toà án giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến và trách nhiệm nuôi dưỡng con chung, do đó việc giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và phù hợp với nguyện vọng của trẻ. Căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu nuôi con chung của bà T là có cơ sở chấp nhận. Tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà T xác định không có nên không xem xét giải quyết.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: bà T có đơn yêu cầu ly hôn với ông M hiện đang cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Dương Nhật M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu có mặt tại tòa để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn giữa ông M với bà T, nhưng ông M vắng mặt không có lý do; bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2014, ngày 08/02/2014 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hoà, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Dương Nhật M là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà T trình bày trong quá trình chung sống ông M và bà T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, ông M không có công việc ổn định, thường xuyên uống rượu, bia say xỉn rồi chửi bới vợ con từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng cuộc sống của ai thì biết người đấy, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà T và ông M hiện đã sống ly thân.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Như vậy, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương của hai

vợ chồng, đôi bên phải thật sự tin yêu, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau đó vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của vợ chồng. Nhưng hiện tại bà T không còn tha thiết muốn sống chung với ông M nữa. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải để đôi bên được hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng bà T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn, ông M vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu của bà T. Nhận thấy, bà T và ông M đã không còn tôn trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ gia đình là không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông M.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình chung sống bà T xác nhận hai bên có 01 con chung tên Dương Ngọc Ái T, sinh ngày 28/3/2015 bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ nhưng phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, trẻ Dương Ngọc Ái T, sinh ngày 28/3/2015 hiện đang do bà T nuôi dưỡng và chăm sóc là chủ yếu. Mặt khác căn cứ vào khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án trẻ Dương Ngọc Ái T, sinh ngày 28/3/2015 đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của trẻ và cháu muốn sống cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Ngoài ra, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như phiên tòa xét xử thì ông M đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung nên việc giao con chung cho ông M nuôi dưỡng là không khả thi.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà Nguyễn Thị Mỹ T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận nên bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 19, 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, văn bản hợp nhất số 32/VBHN-VPQH ngày 07 tháng 12 năm 2020.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T đối với bị đơn ông Dương Nhật M về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với ông Dương Nhật M. Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/02/2014 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: có 01 con chung tên Dương Ngọc Ái T, sinh ngày 28/3/2015. Giao con chung cho bà Nguyễn Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu ông Dương Nhật M cấp dưỡng nuôi con.

Người không được trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.4 Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà Nguyễn Thị Mỹ T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí số 0010842

ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Mỹ T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- CCTHADS Q.Bình Tân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP - HS (Mai).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Phước**